

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/DS-ST
Ngày: 03 - 01 - 2024
V/v “tranh chấp hợp đồng
góp hụi”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Duy Thám;
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Trọng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thái Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 492/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc “tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 218/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Phan Thị L**, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ 1, ấp 2, xã E, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có mặt)

Bị đơn: **Chị Phạm Thị H**, sinh năm 1993; nơi cư trú: Tổ 20, F, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có mặt)

Anh Phan Ngọc Đ, sinh năm 1993; nơi cư trú: Tổ 20, F, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; tạm trú: tổ 5, ấp 2, xã E, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 11 năm 2023 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Thị L trình bày: Chị H làm chủ thảo hụi thì

chị có tham gia chơi tổng cộng 03 dây hội cụ thể như sau:

Dây hội 1: Khai hội ngày 11/7/2022, mần hội vào ngày nào thì chị không biết nhưng nếu muốn lấy tiền hội gốc thì phải báo trước cho chị H trước 30 ngày, hội 200.000 đồng/ngày/phần, chị tham gia 20 phần, hội có bao nhiêu người tham gia thì chị không biết, hội gồm bao nhiêu phần tham gia chị cũng không biết. Vào ngày khai hội thì chị đã đóng đủ 20 phần x 187.000 đồng/phần = 108.460.000 đồng, việc đóng hội có làm giấy. Sau khi giao tiền thì mỗi tháng chị sẽ được chị H trả tiền lãi lúc đầu 13.000 đồng/phần/ngày x 20 phần. Sau đó chị H trả được 06 tháng với số tiền 5.540.000 đồng x 06 tháng = 33.240.000 đồng. Đến tháng 02-2023 thì chị H ngưng trả tiền lãi và chị đã thông báo cho chị H trước 30 ngày để nhận tiền góp hội gốc nhưng chị H vẫn không trả.

Dây hội 2: Khai ngày 22/9/2022, hội khai 200.000 đồng/ngày, hội bao nhiêu phần thì chị không biết, chị tham gia 10 phần, đóng trong vòng 30 ngày, chị đóng một lần cho chị H với số tiền 55.100.000 đồng (đóng một lần thì đóng 29 ngày x 190.000 đồng x 10 phần) lãi 10.000 đồng/phần, chị H có ký nhận tiền hội của chị. Quy định, sau 30 ngày thì chị H sẽ trả tiền lãi cho chị, còn chị muốn lấy lại số tiền gốc 55.100.000 đồng thì chị phải thông báo cho chị H trước 30 ngày. Chị nhận tiền lãi được 04 tháng, với số tiền 9.600.000 đồng (2.400.000 đồng x 04 tháng). Đến tháng 02-2023 thì chị H ngưng trả tiền lãi và chị đã thông báo cho chị H trước 30 ngày để nhận tiền góp hội gốc nhưng chị H vẫn không trả.

Dây hội 3: Khai ngày 04/11/2022, hội khai 200.000 đồng/ngày, hội bao nhiêu phần thì chị không biết, chị tham gia 20 phần, đóng trong vòng 30 ngày, chị đóng một lần cho chị H với số tiền 110.200.000 đồng (đóng một lần thì đóng 29 ngày x 190.000 đồng x 20 phần) lãi 10.000 đồng/phần, chị H có ký nhận tiền hội của chị. Quy định, sau 30 ngày thì chị H sẽ trả tiền lãi cho chị, còn chị muốn lấy lại số tiền gốc 110.200.000 đồng thì chị phải thông báo cho chị H trước 30 ngày. Chị nhận tiền lãi được 02 tháng, với số tiền 9.600.000 đồng (4.800.000 đồng x 02 tháng). Đến tháng 02-2023 thì chị H ngưng trả tiền lãi và chị đã thông báo cho chị H trước 30 ngày để nhận tiền góp hội gốc nhưng chị H vẫn không trả.

Tổng cộng, 03 dây hội chị H tH2 chị là 273.760.000 đồng. Sau nhiều lần đòi tiền thì chị H có trả cho chị được 63.260.000 đồng và không trả tiền nữa. Hiện nay, chị H còn tH2 chị 210.500.000 đồng.

Khi chị tham gia góp hội với chị H thì chị H không đưa danh sách hội viên, việc chơi hội chồng chị H là anh Phan Ngọc Đ có biết, biết trong trường hợp vì nhà chúng tôi sát bên nhau và chị đưa tiền hội cho chị H thì anh Đ có thấy. Do đó, nay chị yêu cầu chị Phạm Thị H và anh Phan Ngọc Đ (chồng chị H) có nghĩa vụ trả cho chị số tiền nợ hội 210.500.000 đồng và không yêu cầu tính tiền lãi.

Bị đơn chị Phạm Thị H trình bày: Qua lời trình bày của chị L thì chị nghe rõ và chị L trình bày như thế là đúng.

Khi chị khai hội vào ngày 11/7/2022 thì chị và anh Đ còn là vợ chồng và sống tại xã E, việc chơi hội với chị L thì anh Đ không biết, việc chi phí trong gia đình là do anh Đ chi phí bằng nguồn tiền thu hoạch cao su (cha mẹ chồng cho 3,3 ha cao su). Nguồn tiền chị nhận của chị L là chị giữ và chi phí vào việc choàng hội khi có hội viên không đóng hội, cụ thể chị choàng hội cho ai thì chị không nhớ.

Dây thứ 1: Khai hội ngày 11/7/2022, hội chỉ có 02 người tham gia chơi gồm 01 người nuôi hội và 01 người hốt hội (trong dây hội này thì chị L là người nuôi hội còn anh Lâm Tài H2, sinh năm 1977, địa chỉ: số 335, đường T, phường 5, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng là người hốt hội) và người nuôi hội sẽ đóng 01 lần với tổng số tiền mà người nuôi hội tham gia và người hốt hội cũng nhận 01 lần, việc chơi hội tôi không lập danh sách cũng không xin phép với UBND xã E về việc làm chủ hội. Sau khi nhận được số tiền của chị L thì tôi đã chuyển số tiền này cho anh H2 bằng hình thức chuyển khoản nhiều lần. Sau khi tôi nhận tiền của chị L thì tôi đã trả được cho chị L 08 tháng với số tiền không nhớ, việc trả không làm giấy.

Dây hội 2: Khai ngày 22/9/2022, mần vào ngày 21/10/2022, hội chỉ có 02 người tham gia chơi gồm 01 người nuôi hội và 01 người hốt hội (trong dây hội này thì chị L là người nuôi hội còn anh Lâm Tài H2, sinh năm 1977, địa chỉ: số 335, đường T, phường 5, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng là người hốt hội) và người nuôi hội sẽ đóng 01 lần với tổng số tiền mà người nuôi hội tham gia và người hốt hội cũng nhận 01 lần, việc chơi hội tôi không lập danh sách cũng không xin phép với UBND xã E về việc làm chủ hội. hội khai 200.000 đồng/ngày, chị L tham gia 10 phần, chị L đóng 01 lần với số tiền 55.100.000 đồng, lãi 10.000 đồng/phần, việc chị L giao tiền thì chị có ký nhận.

Dây hội 3: Khai ngày 04/11/2022, mần vào ngày 03/12/2022, hội chỉ có 02 người tham gia chơi gồm 01 người nuôi hội và 01 người hốt hội (trong dây hội này thì chị L là người nuôi hội còn anh Lâm Tài H2, sinh năm 1977, địa chỉ: số 335, đường T, phường 5, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng là người hốt hội) và người nuôi hội sẽ đóng 01 lần với tổng số tiền mà người nuôi hội tham gia và người hốt hội cũng nhận 01 lần, việc chơi hội tôi không lập danh sách cũng không xin phép với UBND xã E về việc làm chủ hội. hội khai 200.000 đồng/ngày, chị L tham gia 20 phần, chị L đóng 01 lần với số tiền 110.200.000 đồng, lãi 10.000 đồng/phần.

Tổng cộng, 03 dây hội chị L đã giao cho tôi số tiền 273.760.000 đồng. Sau đó tôi đã trả cho chị L được 63.260.000 đồng. Hiện nay tôi còn thiếu 210.500.000 đồng.

Nay tôi đồng ý trả cho chị L 210.500.000 đồng. Do khi chơi hội thì chồng tôi là anh Phan Ngọc Đ không biết, đến nay tôi cũng đã ly hôn với anh Đ nên tôi không

yêu cầu anh Đ L đới trả.

Anh Phan Ngọc Đ trình bày: Anh và chị Phạm Thị H kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn thì sống tại xã E. Đến năm 2018 thì về thị trấn Tân Châu sống trên đất của cha ruột tôi. Đến năm 2021 thì về lại xã E sống. Đến tháng 06 năm 2023 thì vợ bỏ về nhà cha mẹ ruột sống tại ấp V, xã A, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đến tháng 7 năm 2023 thì vợ chồng ly hôn và đã được tòa án nhân dân huyện Bến Cầu giải quyết cho ly hôn.

Trong năm 2022 vợ làm chủ hụi thì tôi hoàn toàn không biết, đến khoảng tháng 6 hoặc tháng 7 năm 2022 thì mới biết vợ làm chủ hụi. Khi biết thì tôi có ngăn cản nhưng vợ vẫn làm nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn dẫn đến ly hôn.

Khi còn chung sống thì sinh hoạt trong gia đình là do cha cho 03 ha cao su đang thu hoạch mủ có để chi phí sinh hoạt gia đình. Số tiền vợ chơi hụi vợ làm gì tôi không biết.

Nay do tôi không biết việc vợ chơi hụi và cũng không biết số tiền này vợ sử dụng vào việc gì nên tôi không đồng ý L đới trả. Ngoài ra thì tôi không còn trình bày gì thêm.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng; Những người tham gia tố tụng và tiến hành tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật khi giải quyết, xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ các Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị định số 19/2019/ NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biểu, phường; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị L.

Buộc chị Phạm Thị H, anh Phan Ngọc Đ có nghĩa vụ trả cho chị Phan Thị L số tiền hụi 210.500.000 đồng. Ghi nhận chị L không yêu cầu tính tiền lãi.

Chị Phạm Thị H, anh Phan Ngọc Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền hui, nên xác định quan hệ tranh chấp là “tranh chấp hợp đồng góp hui” thuộc tranh chấp hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Do tranh chấp về hợp đồng dân sự nên căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ Luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân cấp huyện; bị đơn cư trú tại huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ kiện: Tại phiên tòa chị L yêu cầu chị H, anh Đ trả tiền hui 210.500.000 đồng. Chị H thừa nhận còn thiếu 210.500.000 đồng và đồng ý trả. Riêng anh Đ không đồng ý trả vì việc chị H chơi hui anh không biết.

[3] Xét lời trình bày của anh Đ cho rằng việc chơi hui giữa chị H và chị L anh không biết, đến nay anh và chị H đã ly hôn nên anh không đồng ý trả. Qua xem xét tin nhắn giữa chị L với anh Đ thì thể hiện anh Đ biết việc chị H thiếu tiền nợ hui với chị L và anh Đ còn hứa sẽ bán đất rồi trả, ngoài ra khi chị H làm chủ hui và chị L tham gia chơi hui thì chị H và anh Đ còn là vợ chồng nên anh Đ cho rằng việc chơi hui giữa chị L với chị H anh không biết là không có cơ sở, chị L yêu cầu anh Đ liên đới trả là có căn cứ chấp nhận.

Từ nhận định trên cần buộc chị H, anh Đ có nghĩa vụ trả cho chị L số tiền 210.500.000 đồng. Ghi nhận chị L không yêu cầu tính tiền lãi.

[4] Về án phí: Chị H, anh Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân gia đình; Nghị định số 19/2019/ NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biêu, phường; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị L tranh chấp hợp đồng góp hui đối với chị Phạm Thị H, anh Phan Ngọc Đ.

- Buộc chị Phạm Thị H, anh Phan Ngọc Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Phan Thị L số tiền 210.500.000 (hai trăm mười triệu năm trăm nghìn) đồng. Ghi nhận chị L không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị H, anh Đ chưa thi hành hết số tiền như đã nêu trên thì hàng tháng chị H, anh Đ còn phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Phạm Thị H, anh Phan Ngọc Đ phải chịu 10.525.000 (mười triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Phan Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho chị Phan Thị L tiền tạm ứng án phí 5.262.000 (năm triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn) đồng tại biên lai thu số 0005537, ngày 07/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho chị L, chị H, anh Đ biết được quyền kháng cáo Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS Tân Châu;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Minh Tuấn